

### III/ CƯỚC TÁC NGHIỆP CONTAINER

1/ **Cước xếp dỡ container:**

2/ **Cước đóng/rút container:**

2.1. Tác nghiệp tại cầu tàu:

**Bảng 13**

Đơn vị tính: VNĐ/container

TT	Phương án làm hàng	Cont 20'	Cont 40'
1	Đóng gao từ sà lan / ghe vào / ra container (container rỗng có sẵn tại Cát Lái)		
	a. Loại bao trên 30kg:	1.115.000	1.460.000
	b. Loại bao từ 30kg/bao trở xuống:	1.170.000	1.525.000
2	Đóng/rút hàng bao từ container xuống sà lan / ghe (container rỗng có sẵn tại Cát Lái)		
	+ Hàng thông thường, không mùi, không độc hại	1.260.000	1.655.000
	+ Hàng bán, bụi, âm, có mùi, độc hại, xương súc vật, IMDG	1.890.000	2.480.000
3	Đóng/rút xơ dừa từ sà lan/ghè vào(ra) container (container rỗng có sẵn tại Cát Lái)	1.115.000	1.460.000
4	Xả hàng xả từ container xuống sà lan / ghe		
	+ Hàng thông thường, không mùi, không độc hại	895.000	-
	+ Hàng bán, bụi, âm, có mùi, độc hại, xương súc vật, IMDG	1.340.000	-
5	Lấy hoặc trả container rỗng từ các depot ngoài về phục vụ đóng rút hàng tại bến 125 - Cát Lái, Cảng thu thêm phí vận chuyển (đã bao gồm nâng hạ hai đầu):	Theo biểu giá vận chuyển hiện hành	

2.2. Tác nghiệp container tại bãi:

**Bảng 14**

Đơn vị tính: VNĐ/container

TT	Phương án làm hàng	Container khô			Container lạnh	
		20'	40'	45'	20'	40'
1	a. Đóng thủ công hàng thông thường từ xe vào container (container rỗng có sẵn tại Cát Lái)	685.000	970.000	1.230.000	880.000	1.245.000
	- Chuyển container rỗng đến bãi đóng hàng - Đóng hàng từ xe của khách hàng vào container - Chuyển container hàng về hạ bãi chờ xuất					
1	b. Đóng thủ công hàng thủy/hải sản đông lạnh xếp trên pallet quấn nylon film đóng container (container rỗng có sẵn tại Cát Lái)	-	-	-	1.525.000	2.210.000
	- Trá bãi container rỗng phục vụ đóng hàng - Xếp hàng thủy hải sản đóng thùng từ xe khách hàng vào pallet - Sử dụng công nhân hỗ trợ đóng gói bằng việc dùng thiết bị quấn nylon film cho hàng sau khi đã xếp vào pallet theo quy cách do chủ hàng chịu trách nhiệm hướng dẫn. - Đóng pallet đã được quấn nylon film vào container - Chuyển container hàng về bãi chờ xuất					
2	Đóng ghép hàng vào cùng một container thực hiện tại bãi: (container rỗng có sẵn tại Cát Lái)					

	Đóng lần 1	Không thực hiện			880.000	1.245.000
	Đóng từ lần 2 trở đi	Không thực hiện			295.000	475.000
<b>3</b>	Đóng cá ngr nguyên con vào container (container rỗng có sẵn tại Cát Lái)	Tinh = 200% đơn giá đóng hàng lạnh thông thường được qui định tại bảng 14 – TT.1a, 1b, 2				
<b>4</b>	Đóng/rút thủ công hàng nguy hiểm (IMDG) từ xe vào container hoặc ngược lạiL (container rỗng có sẵn tại Cát Lái)					
	Nhóm IMDG 03, 04, 08, 09 và máy móc thiết bị có bình gas thuộc nhóm IMDG 02	1.200.000	1.660.000	2.070.000	1.555.000	2.125.000
	Nhóm IMDG 05, 06 và hoá chất thuộc nhóm IMDG 02	2.390.000	3.315.000	4.140.000	3.110.000	4.245.000
<b>5</b>	Đóng/rút thủ công hàng máy móc thiết bị cũ, hàng không đồng nhất về kích thước từ xe vào container hoặc ngược lại.(container rỗng có sẵn tại Cát Lái)	1.200.000	1.660.000	2.070.000	-	-
<b>6</b>	Đóng/rút thủ công hàng sắt vụn, phế liệu rời từ xe vào container hoặc ngược lại. (container rỗng có sẵn tại Cát Lái)	2.395.000	3.320.000	4.140.000	-	-
<b>7</b>	Rút và đóng một phần khối lượng hàng trong container phục vụ kiểm hoá (có xác nhận của Trung tâm Điều độ Cảng)					
	Hơn 50%	635.000	885.000	1.095.000	835.000	1.155.000
	Từ 10% tới 50%	320.000	445.000	550.000	420.000	580.000
	Dưới 10%	130.000	180.000	220.000	170.000	235.000
	Rút mẫu với số lượng ít để kiểm hoá	Khách hàng tự thực hiện				
<b>8</b>	Đóng/rút sang container (rút từ container này đóng sang container khác, container rỗng có sẵn tại Cát Lái)	Tinh theo công đoạn thực tế phát sinh				
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển container hàng đến bãi rút hàng</li> <li>- Chuyển container rỗng trong nội bộ cảng đến khu vực sang container</li> <li>- Rút hàng từ container hàng đóng sang container rỗng</li> <li>- Chuyển container hàng và container rỗng về các bãi trong nội bộ cảng.</li> </ul>				
<b>9</b>	Rút thủ công hàng thông thường từ container xếp lên xe khách hàng	800.000	1.120.000	1.400.000	1.080.000	1.515.000
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển container hàng đến bãi rút hàng</li> <li>- Rút hàng từ container giao lên xe của khách hàng</li> <li>- Chuyển container rỗng về bãi rỗng tại Cảng Cát Lái</li> </ul>				
<b>10</b>	Rút ruột thủ công phục vụ dán tem hàng hoá nhập khẩu và giao thẳng:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng container từ bãi lên xe trung chuyển</li> <li>- Chuyển bãi nội bộ</li> <li>- Rút ruột thủ công phục vụ dán tem</li> <li>- Xếp hàng đã dán tem lên xe của khách hàng và chuyển</li> </ul>				

		<i>rỗng về bãi hoặc đóng lại vào container và giao nguyên container lên xe cho khách hàng.</i>				
	<i>Rút ruột container và giao hàng đã dán tem lên xe khách hàng</i>	1.085.000	1.510.000	1.880.000	-	-
	<i>Giao nguyên container hàng đã dán tem lên xe khách hàng</i>	1.275.000	1.790.000	2.230.000	-	-
	<i>*Ngoài các công đoạn kể trên, nếu làm thêm công đoạn nào Cảng thu bổ sung công đoạn đó theo quy định.</i>					
<b>11</b>	Rút ruột thủ công phục vụ dán tem và đóng lại vào container	970.000	1.350.000	1.720.000	-	-
<b>12</b>	Rút dưới 10% khối lượng hàng trong container để đảm bảo trọng lượng xuất tàu.	205.000	285.000	355.000	275.000	385.000
	<i>Cước đảo chuyển (nếu có) sẽ được thu bổ sung theo quy định tại Bảng 26 –TT.10</i>					
<b>13</b>	Lấy hoặc trả container rỗng từ các depot ngoài về phục vụ đóng rút hàng tại bãi, Cảng thu thêm phí vận chuyển (đã bao gồm nâng hạ hai đầu):	Theo biểu giá vận chuyển hiện hành				

**2.3. Các trường hợp phụ thu đóng/rút/kiểm hóa hàng:**

- a. Đối với container lạnh chứa hàng khô thông thường và không cắm điện, phí đóng/rút container sẽ được tính như đối với container hàng khô.
- b. Đối với các kiện hàng đặc biệt (quá khổ, quá tải), phải sử dụng cầu bờ cố định của Cảng hoặc cầu nổi để đóng / rút: Cảng thoả thuận với khách hàng để tính cước nhưng không thấp hơn 300% đơn giá đóng/rút container cùng loại chứa hàng thông thường.
- c. Phụ thu lũy tiến cước rút hàng (đối với cả container khô và lạnh thông thường): tính từ ngày container có vị trí trên bãi cảng Cát Lái cho đến khi khách hàng đăng ký chuyển bãi/trả bãi container sang khu vực kiểm hóa/rút hàng/đóng hàng, cụ thể như sau:

**Bảng 15**

*Đơn vị tính: VNĐ/container*

TT	Ngày nhập bãi	Cont 20'	Cont 40'	Cont 45'
<b>1</b>	Từ ngày 1-hết ngày 6	Không tính phụ thu		
<b>2</b>	Từ ngày 7-hết ngày 15	150.000	260.000	300.000
<b>3</b>	Từ ngày 16 trở đi	290.000	510.000	600.000

- d. Phụ thu lũy tiến cước rút hàng nguy hiểm (đối với cả container khô và lạnh, đối với cả phương án rút hàng tại bãi lên xe khách hàng hoặc tại cầu tàu xuống sà lan khách hàng): tính từ ngày container có vị trí trên bãi cảng Cát Lái cho đến khi khách hàng đăng ký chuyển bãi/trả bãi container sang khu vực kiểm hóa/rút hàng/đóng hàng, cụ thể như sau:

**Bảng 16:**

*Đơn vị tính: VNĐ/container*

Phương án làm hàng	Container khô			Container lạnh	
	20'	40'	45'	20'	40'
Rút hàng nguy hiểm tại bãi/cầu tàu: Tính từ ngày container có vị trí trên bãi cảng Cát Lái.					
<i>Từ ngày thứ 1 - ngày thứ 4</i>	Không phụ thu				
<i>Từ ngày thứ 5 - ngày thứ 7</i>	375.000	660.000	780.000	375.000	660.000
<i>Từ ngày thứ 8 - ngày thứ 11</i>	625.000	1.100.000	1.300.000	625.000	1.100.000

Từ ngày thứ 12- ngày thứ 15	875.000	1.540.000	1.820.000	875.000	1.540.000
Từ ngày thứ 16 trở đi	1.125.000	1.980.000	2.340.000	1.125.000	1.980.000

- e. Phụ thu phí quá hạn trả bãi container (áp dụng cho container khô và lạnh đóng ruột, rút ruột, giao nguyên kiểm hóa, kể cả phương án dán tem) được tính như sau:

+ Đơn giá:

**Bảng 17**

Đơn vị tính: VND/container/ngày

TT	Loại container	Đơn giá
1	20'	75.000
2	40'	115.000

+ Thời gian tính phí quá hạn trả bãi container: được tính từ ngày hết thời hạn cho phép lưu tại bãi đóng hàng/kiểm hóa/rút hàng cho đến khi container được giao hàng/đóng hàng xong. Thời gian cho phép lưu kể từ khi container có mặt tại khu vực rút ruột/kiểm hóa/đóng hàng được quy định như sau (không kể ngày lễ, tết theo quy định của Cảng):

**Bảng 18**

TT	Lô hàng	Thời gian cho phép lưu tại bãi rút ruột/kiểm hóa/đóng hàng
	Lô từ 01-05 container	01 ngày
	Lô từ 06-10 container	02 ngày
	Lô từ 11-20 container	03 ngày
	Lô trên 20 container	04 ngày

\*Ghi chú: đối với container vào bãi kiểm hóa sau khi Hải quan kết thúc ngày làm việc (17h00), thời gian cho phép lưu tại bãi kiểm hóa được tính từ ngày hôm sau.

- f. Trường hợp đóng/rút hàng từ xe vào container hoặc ngược lại đối với tất cả các loại hàng có sử dụng xe nâng hàng (loại dưới 5 tấn), Cảng thu cước bổ sung như sau:

**Bảng 19**

Đơn vị tính: VND/container

Container khô			Container lạnh	
20'	40'	45'	20'	40'
60.000	90.000	115.000	90.000	130.000

- g. Trường hợp đóng/rút các loại hàng có kích thước vượt quá qui định của container tiêu chuẩn, phải sử dụng xe nâng hàng (loại từ 05 tấn đến 20 tấn): Cước đóng/rút do Cảng thỏa thuận với khách hàng nhưng không thấp hơn 300% so với đơn giá đóng/rút hàng thông thường.

- h. Trường hợp chủ hàng tự đóng hàng, Cảng giảm cước với mức như sau:

**Bảng 20**

Đơn vị tính: VND/container

Container khô			Container lạnh	
20'	40'	45'	20'	40'
135.000	180.000	235.000	165.000	235.000

- i. Trường hợp chủ hàng tự rút hàng: Cảng giảm cước với mức như sau:

**Bảng 21**

Đơn vị tính: VND/container

Container khô			Container lạnh	
20'	40'	45'	20'	40'
225.000	320.000	400.000	310.000	435.000

**2.4. Trường hợp rút hàng xá tại bãi:** (bao gồm các công đoạn chuyển container hàng, rút hàng, trả rỗng, đóng bao tịnh cân, may bao và xếp bao lên xe của khách hàng) Cảng thu như sau:

- + Hàng thông thường, không mùi, không độc hại : 75.000 VNĐ/tấn.
- + Hàng dơ bẩn, có mùi, độc hại, xương súc vật : 80.000 VNĐ/tấn.
- + Trong trường hợp có giám định viên tham gia giám sát cân từng bao hàng, cảng thu phụ phí: 6.500 VNĐ/tấn.
- + Bao bì để phục vụ việc đóng bao: khách hàng cung cấp cho Cảng.

**3/ Cước phục vụ container lạnh: (áp dụng cho container xuất nhập khẩu)**

**4/ Các tác nghiệp phục vụ chuyển container qua máy soi:**

**5/ Các loại cước khác:**